

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỮU LŨNG  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 4 - 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Thương.

2. Bà Hoàng Thị Bích Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lương Thị C, sinh năm 1989; cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn B, sinh năm 1989; cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lương Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị C và anh Trần Văn B kết hôn từ năm 2015, có được tình yêu thương và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, chị và anh B chung sống hạnh phúc được một vài năm, đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B không tu chí làm ăn, đi làm không có tiền đóng góp để cùng nhau nuôi dạy con cái, anh B còn thường xuyên lơ đãng, cờ bạc, mặc dù chị C đã cố gắng chung sống cùng, khuyên anh thay đổi nhưng anh vẫn không thay đổi. Đến cuối năm 2022, do không chịu được nữa nên chị C và anh B đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay, chị C xác định không còn tình cảm với anh B, chị xin được ly hôn với anh.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Đức D, sinh ngày 23/8/2015 và Trần Thùy L, sinh ngày 10/7/2018, hai con hiện nay đang ở cùng chị C, khi ly hôn chị C xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Trần Văn B phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh Trần Văn B không có công ăn việc làm ổn định, bản thân chị C đang làm công nhân tại nhà máy bút bi tại khu T II, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, lương tháng trung bình từ 6.000.000 đồng đến 7.500.000 đồng, chị đã có nhà riêng, các con vẫn sinh sống ổn định với chị từ lâu, đều được ăn học đầy đủ, chị đảm bảo đủ các điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị Lương Thị C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị vẫn giữ nguyên các nội dung như đã khai tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn B vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do không thể thỏa thuận, giải quyết được nội dung vụ án nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo trình tự tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị C về việc ly hôn với anh Trần Văn B.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Trần Đức D, sinh ngày 23/8/2015 và cháu Trần Thùy L, sinh ngày 10/7/2018 cho chị Lương Thị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ chị Lương Thị C và anh Trần Văn B, chị C vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do. Việc vắng mặt của chị C, anh B không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Lương Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Trần Văn B có địa chỉ cư trú tại Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2015, chị Lương Thị C và anh Trần Văn B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Trần Văn B không tu chí làm ăn, quan tâm xây dựng kinh tế gia đình và còn lơ đãng, cờ bạc, chị Lương Thị C đã cố gắng khuyên nhủ anh B nhưng anh không thay đổi nên từ năm 2022 chị và anh B đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh B không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị C được ly hôn với anh B là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị C, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Lương Thị C và anh Trần Văn B có 02 con chung là Trần Đức D, sinh ngày 23/8/2015 và Trần Thùy L, sinh ngày 10/7/2018. Khi ly hôn chị Lương Thị C xin được quyền nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Trần Văn B phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Trần Đức D và cháu Trần Thùy L hiện nay đều đang ở cùng chị Lương Thị C, chị C có công việc làm công nhân thu nhập trung bình hàng tháng từ 6.000.000 đồng đến 7.500.000 đồng đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con. Hơn nữa, tại biên bản ghi nguyện vọng của con chung, cháu Trần Đức D hiện đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, anh Trần Văn B mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng anh không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Toà án xem xét. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận cho chị Lương Thị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Trần Đức D, sinh ngày 23/8/2015 và Trần Thùy L, sinh ngày 10/7/2018. Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị Lương Thị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị C  
- Xử cho nguyên đơn chị Lương Thị C được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn B.

2. Về con chung:

Giao các cháu Trần Đức D, sinh ngày 23/8/2015 và Trần Thùy L, sinh ngày 10/7/2018 cho chị Lương Thị C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lương Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị C đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004575, ngày 14 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Tuyết**